



GÓI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

# VITA AN VUI NHƯ Ý

Phiên bản 2.0



Chi phí vừa tâm,  
tận tâm bảo vệ

GENERALI  
BẢO HIỂM  
NHÂN THỌ





**GÓI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG**

# **VITA - AN VUI NHƯ Ý**

**Phiên bản 2.0**

**Chi phí vừa tầm, tận tâm bảo vệ**

**Chúng ta đều mong ước mỗi ngày trôi qua trọn vẹn trong sự bình yên và niềm vui.** Nhưng cuộc sống vốn dĩ không thể đoán trước. Dù trời đang nắng đẹp, cơn mưa bất chợt vẫn có thể kéo đến – cũng như những rủi ro và biến cố có thể ập đến bất kỳ lúc nào. Thế nhưng, chúng ta thường chờ đến khi “dư dả” mới nghĩ đến việc bảo vệ, hoặc chỉ tìm giải pháp khi rủi ro đã xảy đến. Muốn bắt đầu từ hôm nay, nhưng giải pháp phù hợp đôi khi lại nằm ngoài tầm với?

Thấu hiểu những trăn trở đó, **Generali Việt Nam giới thiệu Gói sản phẩm bảo hiểm liên kết chung VITA - An Vui Như Ý 2.0.** Với tiêu chí “vừa tầm – tận tâm”, gói sản phẩm mang đến một giải pháp bảo vệ toàn diện, dễ tiếp cận với chi phí hợp lý, giúp bạn chủ động lựa chọn tham gia những đặc quyền bảo vệ vượt trội. Từ đó, hành trình hướng đến cuộc sống **An nhiên – Vui khỏe – Như ý** không còn là điều xa vời, mà ở ngay trước mắt bạn.



# Quyền lợi nổi bật

## Giải pháp đơn giản, lựa chọn vừa tầm

- Dễ dàng lựa chọn với **3 gói giải pháp được thiết kế sẵn**
- **Quyền lợi ưu việt**, phù hợp nhiều nhu cầu
- Vừa tầm về chi phí, **chỉ từ 6 triệu đồng/năm**

## Bảo vệ kết hợp trước nhiều rủi ro

- **Bảo vệ đến trọn đời** trước rủi ro tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn
- **Chăm sóc chu toàn** trước nhiều loại tổn thương
- **Miễn thăm định sức khỏe** khi tăng Số tiền bảo hiểm tại các sự kiện đặc biệt (\*)

## Quỹ sức khỏe “xịn”, quyền lợi thiết thực

- Hạn mức chi trả hàng năm lên đến **350 triệu đồng**
- Đồng hành xuyên suốt, hỗ trợ dài lâu đến **75 tuổi**
- Bảo lãnh viện phí thuận tiện tại hơn **460 Bệnh viện, Phòng khám trên toàn quốc**

(\*) Tham khảo chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung – Phiên bản 2024.

# Tóm tắt quyền lợi

**VITA – An Vui Như Ý 2.0** cung cấp 3 gói giải pháp được thiết kế sẵn, bao gồm 1 sản phẩm chính và 1 hoặc 2 sản phẩm bán kèm, phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính khác nhau:

| Gói giải pháp                                                                                                       | AN 6         | AN 8         | AN 10         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|---------------|
| Phí bảo hiểm tại thời điểm tham gia                                                                                 | 6 triệu đồng | 8 triệu đồng | 10 triệu đồng |
| A. Quyền lợi của sản phẩm chính<br>Bảo hiểm liên kết chung - Phiên bản 2024<br>(Đóng phí định kỳ - Lựa chọn cơ bản) |              |              |               |
| 1. Quyền lợi đầu tư & gia tăng giá trị tài khoản                                                                    |              |              |               |
| Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung                                                                  | ✓            | ✓            | ✓             |
| Thưởng định kỳ                                                                                                      | ✓            | ✓            | ✓             |
| Thưởng đặc biệt                                                                                                     | ✓            | ✓            | ✓             |
| Thưởng sự kiện đặc biệt                                                                                             | ✓            | ✓            | ✓             |
| 2. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro                                                                                        |              |              |               |
| Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV)/tử vong                                                                    | ✓            | ✓            | ✓             |
| Quyền lợi khi kết thúc hợp đồng                                                                                     | ✓            | ✓            | ✓             |
| 3. Đặc tính khác                                                                                                    |              |              |               |
| Miễn thăm định sức khỏe khi tăng Số tiền bảo hiểm (cho một số sự kiện đặc biệt)                                     | ✓            | ✓            | ✓             |
| Rút tiền miễn phí                                                                                                   | ✓            | ✓            | ✓             |



| Gói giải pháp                                                                               | AN 6                        | AN 8         | AN 10          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|----------------|
| Phí bảo hiểm tại thời điểm tham gia                                                         | 6 triệu đồng                | 8 triệu đồng | 10 triệu đồng  |
| B. Quyền lợi của sản phẩm bán kèm<br>Bảo hiểm Sức khỏe cá nhân 2025                         |                             |              |                |
| Chương trình bảo hiểm                                                                       | Tiết kiệm (Đồng chi trả 0%) |              | Tiêu chuẩn     |
| Quyền lợi nội trú                                                                           | 120 triệu đồng              |              | 350 triệu đồng |
| Quyền lợi nhân đôi hạn mức (để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim) | 120 triệu đồng              |              | 350 triệu đồng |
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm                                                                | Việt Nam                    |              |                |
| Quyền lợi kiểm tra sức khỏe                                                                 | -                           |              | 1,5 triệu đồng |

| Gói giải pháp                                                                                                                                                                                                                                     | AN 6                | AN 8                                                                       | AN 10                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Phí bảo hiểm tại thời điểm tham gia                                                                                                                                                                                                               | <b>6 triệu</b> đồng | <b>8 triệu</b> đồng                                                        | <b>10 triệu</b> đồng          |
| <b>C. Quyền lợi của sản phẩm bán kèm</b><br>Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn 2025<br>(Lựa chọn Nâng cao)                                                                                                                                 |                     |                                                                            |                               |
| Quyền lợi bảo vệ trước các rủi ro do Tai nạn, gồm: Bỏng, Gãy xương, Chấn thương cơ quan nội tạng và Thương tật vĩnh viễn                                                                                                                          | -                   | Lên đến <b>100</b> triệu đồng                                              | Lên đến <b>200</b> triệu đồng |
| Quyền lợi Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn                                                                                                                                                                                                           | -                   | <b>2,5</b> triệu đồng /Tai nạn<br>Tối đa <b>5</b> triệu đồng /Năm hợp đồng |                               |
| Quyền lợi tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên chuyến bay thường lệ (dân dụng)                                                                                                                                                          | -                   | <b>300</b> triệu đồng                                                      | <b>600</b> triệu đồng         |
| Quyền lợi tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên phương tiện giao thông công cộng; hoặc khi đang ở thang máy (không phải trong hầm mỏ, công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ); hoặc do hậu quả của hỏa hoạn tại tòa nhà công cộng | -                   | <b>200</b> triệu đồng                                                      | <b>400</b> triệu đồng         |
| Quyền lợi tử vong do Tai nạn bởi các trường hợp khác                                                                                                                                                                                              | -                   | <b>100</b> triệu đồng                                                      | <b>200</b> triệu đồng         |
| Chi trả thêm trong trường hợp vợ hoặc chồng của Người được bảo hiểm cũng tử vong do cùng Tai nạn với Người được bảo hiểm                                                                                                                          | -                   | <b>100</b> triệu đồng                                                      | <b>200</b> triệu đồng         |





# Chi tiết quyền lợi

## Quyền lợi Bảo hiểm liên kết chung

### Quyền lợi TTTBVV/tử vong

Số tiền lớn hơn giữa:

- Số tiền bảo hiểm, và
- Giá trị Tài khoản cơ bản

+

Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có)

### Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung

Giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ hưởng lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư của Quỹ liên kết chung được Generali công bố trên website chính thức [www.generalivn.vn](http://www.generalivn.vn) tại từng thời điểm.

Trước mọi biến động, lãi suất đầu tư được công bố không thấp hơn lãi suất đầu tư cam kết như sau:

| Năm hợp đồng (HĐ)               | 01   | 02 - 05 | 06 - 10 | 11 - 13 | 14 - 16 | 17+  |
|---------------------------------|------|---------|---------|---------|---------|------|
| Lãi suất đầu tư cam kết (%/năm) | 3,5% | 3,0%    | 2,0%    | 1,5%    | 1,0%    | 0,5% |

### Quyền lợi gia tăng Giá trị Tài khoản

Cơ hội gia tăng Giá trị Tài khoản với 3 quyền lợi thưởng

➤ **Thưởng định kỳ:** Bắt đầu từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 5 và mỗi 5 năm sau đó cho đến hết thời hạn hợp đồng, Generali sẽ chi trả:



**15%** Giá trị bình quân của Giá trị Tài khoản cơ bản trong 60 tháng liền kề trước thời điểm chi trả.

➤ **Thưởng đặc biệt:** Bắt đầu từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó cho đến Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 30, Generali sẽ chi trả:

Khoản thưởng đặc biệt

=

Tỷ lệ thưởng

x

Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên tại Ngày hiệu lực hợp đồng

Ngày kỷ niệm năm HĐ



Kỳ xét thưởng:  
Tính từ đầu Năm HĐ 01

|                    |      |
|--------------------|------|
| Đến cuối Năm HĐ 15 | 50%  |
| Đến cuối Năm HĐ 20 | 50%  |
| Đến cuối Năm HĐ 25 | 100% |
| Đến cuối Năm HĐ 30 | 100% |



> **Thưởng sự kiện đặc biệt:** Để đánh dấu và trân trọng thời khắc hạnh phúc của bạn, Generali sẽ chi trả:



**20% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên**  
**tại Ngày hiệu lực hợp đồng**, tối đa 25 triệu đồng.  
*Lưu ý: chỉ áp dụng 1 lần duy nhất trong suốt thời hạn hợp đồng.*

Khi phát sinh một trong các sự kiện dưới đây sau thời gian cân nhắc:

| Kết hôn | Sinh con hoặc nhận con nuôi | Kỷ niệm ngày cưới mỗi 10 năm |
|---------|-----------------------------|------------------------------|
|---------|-----------------------------|------------------------------|

**Lưu ý:**

Điều kiện nhận thưởng đối với thưởng định kỳ và thưởng đặc biệt trong mỗi kỳ xét thưởng như sau:

| Điều kiện                                            | Thưởng định kỳ | Thưởng đặc biệt |
|------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản                      | ✓              | ✓               |
| Không để Hợp đồng mất hiệu lực liên tục quá 180 ngày | ✓              | ✓               |
| Không rút tiền từ Tài khoản cơ bản                   | ✓              | ✓               |
| Không giảm Số tiền bảo hiểm                          | ✓              | ✗               |
| Không giảm Phí bảo hiểm cơ bản                       | ✗              | ✓               |

Xem thêm chi tiết về các khoản thưởng tại Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung - Phiên bản 2024.

**Quyền lợi khi kết thúc hợp đồng**

**Nhận 100% giá trị Tài khoản hợp đồng tại Ngày kết thúc hợp đồng** nếu Người được bảo hiểm còn sống và Hợp đồng còn hiệu lực.





## Quyền lợi chăm sóc sức khỏe cá nhân

|                                                                                                                             | Chương trình bảo hiểm                           |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------|
|                                                                                                                             | Tiết kiệm                                       | Tiêu chuẩn |
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm                                                                                                | Việt Nam                                        |            |
| Hạn mức hàng năm của quyền lợi nội trú (Tổng quyền lợi bảo hiểm chi trả cho các mục A,B,C,D,E)                              | 120 triệu                                       | 350 triệu  |
| Quyền lợi nhân đôi hạn mức (để điều trị nội trú Ung thư, Đột quy, Nhồi máu cơ tim)                                          | 120 triệu                                       | 350 triệu  |
| Phạm vi bảo hiểm                                                                                                            | Giới hạn phụ<br>(Áp dụng cho các mục A,B,C,D,E) |            |
| A. Viện phí và các chi phí y tế                                                                                             |                                                 |            |
| I. Mỗi Đợt điều trị có Phẫu thuật                                                                                           | 70 triệu                                        | 210 triệu  |
| II. Mỗi Đợt điều trị không có Phẫu thuật                                                                                    | 35 triệu                                        | 105 triệu  |
| Các Giới hạn phụ từ 1 đến 12 dưới đây áp dụng cho quyền lợi phát sinh thuộc phạm vi của Mục A.I hoặc A.II nêu trên (nếu có) |                                                 |            |
| 1. Tiền giường và phòng /Ngày nằm viện – Điều trị trong nước                                                                | 500 nghìn                                       | 1,5 triệu  |
| 2. Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (tối đa 100 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng)                                                  | Theo Chi phí y tế thực tế                       |            |
| 3. Chi phí Phẫu thuật                                                                                                       | Theo Chi phí y tế thực tế                       |            |
| 4. Các chi phí điều trị nội trú khác                                                                                        | Theo Chi phí y tế thực tế                       |            |

|                                                                                                                                                                                              | Chương trình bảo hiểm     |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|
|                                                                                                                                                                                              | Tiết kiệm                 | Tiêu chuẩn |
| 5. Chi phí điều trị trước khi Nằm viện (trong vòng 30 ngày trước khi Nằm viện)                                                                                                               | Theo Chi phí y tế thực tế |            |
| 6. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)                                                                                                                 | Theo Chi phí y tế thực tế |            |
| 7. Chi phí giường cho người nuôi bệnh nhân/ngày (tối đa 30 ngày /Năm hợp đồng)                                                                                                               | 500 nghìn                 | 1,5 triệu  |
| 8. Chăm sóc y tế tại nhà/ngày (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng)                                                                                                                                  | 100 nghìn                 | 250 nghìn  |
| 9. Khoản trợ cấp khi nằm viện tại Bệnh viện công lập/Ngày nằm viện (tối đa 30 Ngày nằm viện/Năm hợp đồng) (Quyền lợi này không áp dụng Giới hạn phụ và được chi trả bằng khoản tiền cố định) | Không áp dụng             | 150 nghìn  |
| 10. Chi phí Vật lý trị liệu /Năm hợp đồng                                                                                                                                                    | 1 triệu                   | 3 triệu    |
| 11. Vận chuyển cấp cứu /Năm hợp đồng                                                                                                                                                         | 1 triệu                   | 2,5 triệu  |
| <b>B. Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tử cung)</b>                                                                                                                             |                           |            |
| 1. Chi phí cho Người được bảo hiểm (là người nhận tạng)                                                                                                                                      | Theo Chi phí y tế thực tế |            |
| 2. Chi phí cho người hiến tạng /Năm hợp đồng                                                                                                                                                 | 50 triệu                  | 150 triệu  |

|                                               | Chương trình bảo hiểm     |            |
|-----------------------------------------------|---------------------------|------------|
|                                               | Tiết kiệm                 | Tiêu chuẩn |
| C. Điều trị Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim | Theo Chi phí y tế thực tế |            |
| D. Điều trị trong ngày                        |                           |            |
| 1. Phẫu thuật trong ngày                      | Theo Chi phí y tế thực tế |            |
| 2. Điều trị thận nhân tạo /Năm hợp đồng       | 15 triệu                  | 30 triệu   |
| E. Điều trị cấp cứu do Tai nạn /một Tai nạn   | 1,5 triệu                 | 5 triệu    |

Đơn vị tính: Đồng

## Quyền lợi tử vong và thương tật do Tai nạn

| Quyền lợi                               | Mức chi trả                                            |
|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Gãy xương do Tai nạn                    | 1% - 30% Số tiền bảo hiểm                              |
| Chấn thương cơ quan nội tạng do Tai nạn | 5% - 15% Số tiền bảo hiểm                              |
| Vận chuyển cấp cứu do Tai nạn           | 2,5 triệu đồng/ Tai nạn<br>Tối đa: 5 triệu đồng/Năm HĐ |
| Thương tật vĩnh viễn do Tai nạn         | 2% - 100% Số tiền bảo hiểm                             |
| Bỏ do Tai nạn                           | 50% - 100% Số tiền bảo hiểm                            |
| Tử vong do Tai nạn                      | 100% - 300% Số tiền bảo hiểm                           |

Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm để biết thêm chi tiết về điều kiện nhận các quyền lợi.





# Minh họa quyền lợi

**Anh A (30 tuổi)** – Anh A là công nhân sản xuất, sống và làm việc tại Đà Nẵng. Anh tham gia Gói sản phẩm bảo hiểm liên kết chung **VITA – An Vui Như Ý 2.0**, Gói giải pháp AN 8 với mong muốn:

- An tâm làm việc và giảm đi nỗi sợ rủi ro, tai nạn bất ngờ.
- Đảm bảo một sức khỏe tốt để làm việc hiệu quả, duy trì cuộc sống an yên.
- Tích lũy một khoản tiền khi về già, đỡ dần phần nào đó cho gia đình.
- **Quyền lợi:** Quỹ tiết kiệm và Quỹ dự phòng rủi ro
- **Phí bảo hiểm:** 22.000 đồng/ ngày

## Thông tin hợp đồng của anh A

|                                                                                          |                                                     | Số tiền<br>bảo hiểm                     | Thời hạn<br>bảo hiểm       |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|
| Gói sản phẩm bảo hiểm<br>liên kết chung VITA –<br>An Vui Như Ý 2.0<br>Gói giải pháp AN 8 | Quyền lợi<br>TTTBVV<br>/tử vong                     | 273.015.000<br>đồng                     | 69 năm                     |
|                                                                                          | Quyền lợi<br>chăm sóc<br>sức khỏe<br>nội trú        | Hạn mức<br><b>120 triệu</b><br>đồng/năm | <b>Tái tục</b><br>hàng năm |
|                                                                                          | Quyền lợi<br>tử vong và<br>Thương tật<br>do Tai nạn | <b>100 triệu</b><br>đồng                | <b>45 năm</b>              |
| Thời hạn đóng phí dự kiến                                                                |                                                     | <b>20 năm</b>                           |                            |
| Tổng Phí bảo hiểm tại<br>thời điểm tham gia                                              |                                                     | <b>8 triệu đồng</b>                     |                            |



**BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG**

# VITA - AN VUI NHƯ Ý 2.0

Chi phí **vừa tầm, tận tâm** bảo vệ



## Quyền lợi bảo vệ

### Hỗ trợ tài chính khi bị TTTBVV/tử vong<sup>(1)</sup>

- Lên đến **380.789.000** đồng hoặc tối đa **580.789.000** đồng nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do Tai nạn.
- Chi trả thêm 100.000.000** đồng nếu vợ không may tử vong do cùng 1 tai nạn.

**Hỗ trợ tài chính khi bị Bỏng, Gãy xương, Chấn thương nội tạng hoặc thương tật vĩnh viễn do Tai nạn:** Từ 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng tùy vào mức độ chấn thương.

**Quỹ chăm sóc sức khỏe khi điều trị nội trú:** Lên đến 240.000.000 đồng/năm (Bao gồm Quyền lợi nhân đôi hạn mức để điều trị nội trú các bệnh Ung thư, Đột quỵ, Nhồi máu cơ tim).

## Quyền lợi tích lũy

| Tổng Phí bảo hiểm dự kiến sẽ đóng <sup>(2)</sup> | 167.000.000 đồng |                  |                  |
|--------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Năm hợp đồng                                     | 10               | 15               | 20               |
| Giá trị Tài khoản hợp đồng <sup>(3)</sup>        | 60.941.000 đồng  | 120.809.000 đồng | 204.719.000 đồng |

(1): Giả định sự kiện bảo hiểm xảy ra tại Năm hợp đồng 10;

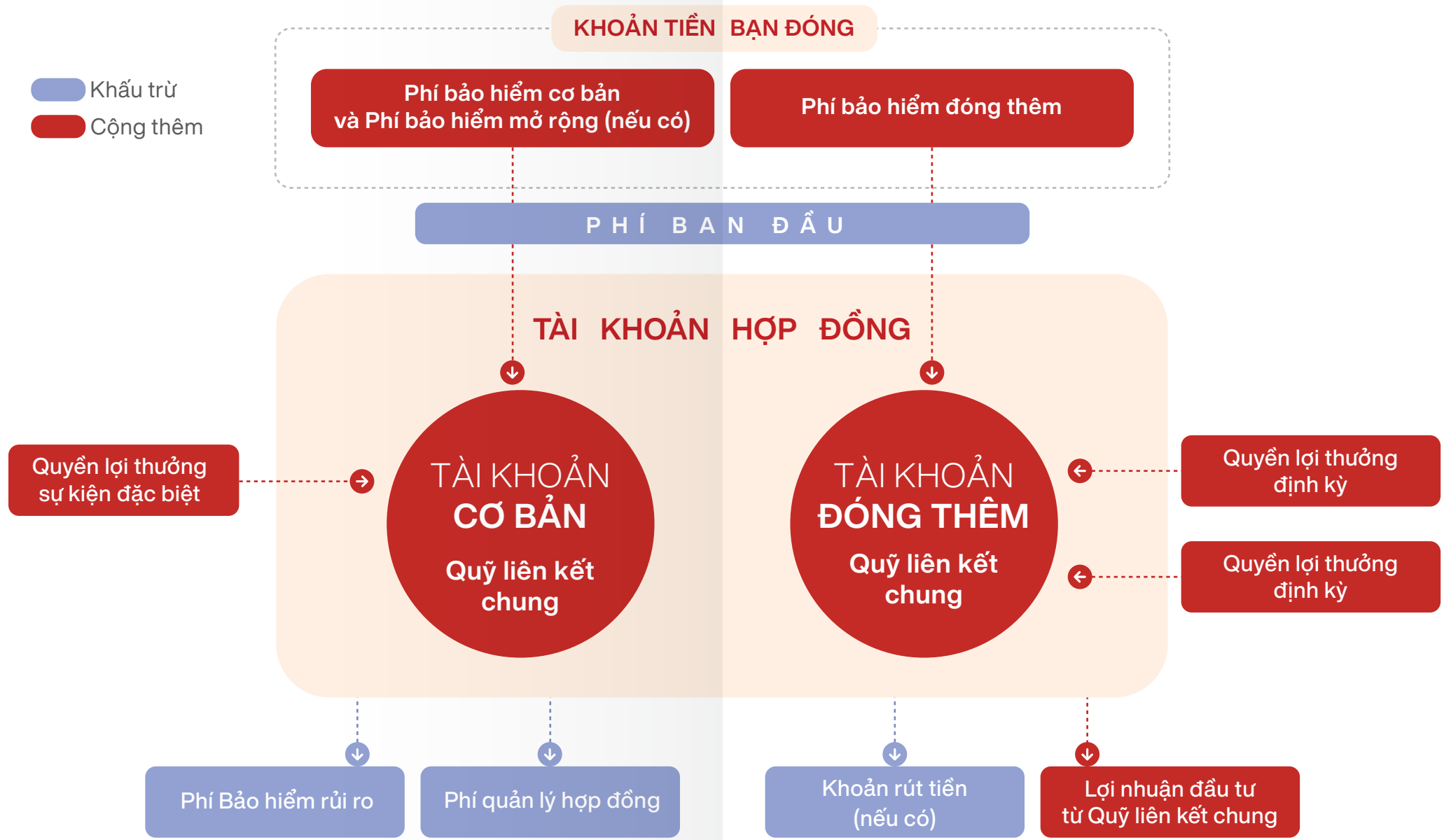
(2): Đối với Quyền lợi chăm sóc sức khỏe nội trú, Phí bảo hiểm của các Năm hợp đồng tiếp theo có thể thay đổi tùy theo Tuổi của Người được bảo hiểm tại Ngày kỷ niệm hợp đồng. Tổng Phí bảo hiểm đã bao gồm mức tăng này.

(3): Giá trị Tài khoản hợp đồng tính tại mức lãi suất minh họa 5,16%/năm từ năm 1 – 20, và tại mức lãi suất cam kết từ năm 21+.



# Cơ chế hoạt động

## 1. Cơ chế hoạt động của Quỹ liên kết chung



#### a. Chính sách, mục tiêu và cơ cấu đầu tư của Quỹ liên kết chung

- Quỹ liên kết chung là quỹ được thành lập cho tất cả các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung theo quy định của pháp luật.
- Generali quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung theo chiến lược và hạn mức đầu tư cụ thể trong từng giai đoạn nhằm mục đích đạt được lợi suất ổn định trong khoảng thời gian dài; đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán cho khách hàng. Việc quản lý và đầu tư Quỹ liên kết chung cũng có thể được ủy thác cho một bên thứ ba (tùy tình hình thị trường và cân nhắc tại từng thời điểm), tuy nhiên mọi hoạt động của Quỹ liên kết chung luôn đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
- Generali thực hiện chính sách đầu tư thận trọng. Danh mục quỹ chủ yếu là công cụ thu nhập cố định như Trái phiếu Chính phủ, Tiền gửi hoặc Chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu hoặc Cổ phiếu phát hành bởi các Công ty có hoạt động ổn định và sức khỏe tài chính lành mạnh. Tùy vào tình hình thị trường tài chính và khẩu vị rủi ro ở mỗi thời điểm xem xét, Quỹ cũng có thể xem xét đầu tư Chứng chỉ quỹ của các quỹ đầu tư có hoạt động bền vững và khẩu vị rủi ro tương đồng với Generali.

#### b. Định kỳ xác định quyền lợi đầu tư

- Lãi suất đầu tư của Quỹ liên kết chung được công bố và cập nhật theo định kỳ hàng quý trên website chính thức của Generali: [www.generalivn.com](http://www.generalivn.com).

#### c. Giá trị Tài khoản hợp đồng

- Giá trị Tài khoản hợp đồng: Là tổng của Giá trị Tài khoản cơ bản và Giá trị Tài khoản đóng thêm (nếu có).
- Giá trị Tài khoản cơ bản: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng, cộng với các khoản lãi đầu tư tương ứng và khoản thưởng sự kiện đặc biệt.
- Tài khoản đóng thêm: Là tài khoản ghi nhận các giá trị từ nguồn Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và Khoản khấu trừ hàng tháng (trong trường hợp Giá trị Tài khoản cơ bản không đủ để khấu trừ), cộng với các khoản lãi đầu tư tương ứng, khoản thưởng định kỳ và khoản thưởng đặc biệt.





2. Các khoản phí

a. Phí ban đầu

Được tính theo tỷ lệ % trên mỗi khoản phí tương ứng với phương thức đóng phí và Năm đóng phí như sau:

| Năm đóng phí             | 1    | 2   | 3-5 | 6-10 | 11+ |
|--------------------------|------|-----|-----|------|-----|
| % Phí bảo hiểm cơ bản    | 50%  | 30% | 20% | 2%   | 0%  |
| % Phí bảo hiểm đóng thêm | 1,5% |     |     |      | 0%  |

b. Phí rủi ro

Khoản phí để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại Hợp đồng bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Tỷ lệ Phí rủi ro dùng để tính Phí rủi ro thay đổi theo Tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe và nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.

c. Phí quản lý hợp đồng

Khoản phí dùng để bù đắp chi phí liên quan đến việc duy trì Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm, được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng. Trong năm 2025, Phí quản lý hợp đồng là 45.000 đồng mỗi tháng và tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý hợp đồng không vượt quá 60.000 đồng mỗi tháng.

d. Phí quản lý Quỹ

Chi phí dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và quản lý Quỹ liên kết chung. Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Generali công bố lãi suất đầu tư của Quỹ liên kết chung. Phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên Giá trị tài khoản hợp đồng. Trong mọi trường hợp, Phí quản lý quỹ không vượt quá lãi suất công bố.

e. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn

Phí được tính tại thời điểm Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, chỉ áp dụng đối với Tài khoản cơ bản:

| Năm hợp đồng                                                               | 1-2  | 3   | 4   | 5   | 6+ |
|----------------------------------------------------------------------------|------|-----|-----|-----|----|
| % Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên tại Ngày hiệu lực hợp đồng | 100% | 30% | 20% | 10% | 0% |



# Một số điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Generali sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Người được bảo hiểm thuộc trường hợp và/hoặc do nguyên nhân sau:

## Đối với quyền lợi tử vong/TTTBVV

- a. Người được bảo hiểm tự tử trong thời hạn 2 năm kể từ (i) ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm, thời hạn áp dụng trường hợp loại trừ này là 02 năm kể từ ngày Generali chấp thuận yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm đó;
- b. Người được bảo hiểm tử vong do lỗi cố ý của Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- c. Người được bảo hiểm bị TTTBVV do lỗi cố ý của chính bản thân Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- d. Người được bảo hiểm có tình trạng sức khỏe dưới chuẩn theo quyết định thẩm định và phải áp dụng các điều kiện loại trừ bổ sung;
- e. Bệnh có sẵn;
- f. Tham gia hoạt động thể thao mạo hiểm, thể thao chuyên nghiệp, hoạt động nguy hiểm;
- g. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng /Bên mua bảo hiểm.

## Đối với quyền lợi chăm sóc sức khỏe cá nhân

- a. Tự tử, mưu toan tự tử hoặc tự mình gây thương tích (bất kể mất trí hay không);
- b. Sử dụng thuốc, bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất độc, thuốc kích thích trái pháp luật và/hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ;
- c. Bất kỳ bệnh hoặc rối loạn tâm thần, tâm lý, suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh, tình trạng căng thẳng (stress), mất ngủ, điều trị liên quan đến chứng khó thở trong khi ngủ (bao gồm ngủ ngáy);

- d. Các chi phí khám và điều trị liên quan đến thai sản (ngoại trừ trường hợp có tham gia quyền lợi thai sản quy định tại Điều 4.4 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm Sức khỏe cá nhân 2025);
- e. Các chi phí khám và điều trị liên quan đến sức khỏe sinh sản như hiếm muộn, vô sinh, ngừa thai, triệt sản và các biến chứng liên quan;
- f. Chi phí cho, nhận, mua, vận chuyển, bảo quản nội tạng phục vụ cho việc cấy ghép nội tạng;
- g. Kiểm tra thị lực; kiểm tra thính lực; kiểm tra tật khúc xạ mắt bao gồm cận thị, viễn thị, loạn thị; bất kỳ phẫu thuật và/hoặc liệu pháp điều chỉnh các khuyết tật thính giác, thị giác (bao gồm tật khúc xạ), trừ các Phẫu thuật do Tai nạn;
- h. Thiết bị chỉnh hình, hỗ trợ chức năng, thiết bị nhân tạo, máy trợ thính hoặc các thiết bị có tính chất tương tự, ngoại trừ các thiết bị, dụng cụ cần phải cấy ghép vào cơ thể để duy trì sự sống;
- i. Chẩn đoán, chăm sóc hoặc điều trị nha khoa (ngoại trừ điều trị tổn thương răng do Tai nạn quy định tại Điều 4.1 và/hoặc trường hợp có tham gia quyền lợi nha khoa quy định tại Điều 4.3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm Bảo hiểm Sức khỏe cá nhân 2025);
- j. Bệnh có sẵn (ngoại trừ Bệnh có sẵn đã được kê khai trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng, hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực bảo hiểm của sản phẩm và được Generali chấp nhận);
- k. Do hành vi điều khiển phương tiện giao thông (i) vượt quá tốc độ quy định; hoặc (ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số 10.9mmol/l theo Quyết định 320/QĐ-BYT ngày 23/1/2014 của Bộ Y tế và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung sau này tại từng thời điểm;
- l. Bất kỳ bệnh, rối loạn hoặc dị tật do bẩm sinh, di truyền;
- m. Nhiễm HIV, hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) (ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát), các bệnh lây truyền qua đường tình dục;



- n. Phẫu thuật thẩm mỹ, phẫu thuật chỉnh hình, phẫu thuật chuyển đổi giới tính, các hình thức điều trị thẩm mỹ và các biến chứng liên quan (ngoại trừ trường hợp Phẫu thuật chỉnh hình khi bị Thương tích do Tai nạn nhằm tái tạo lại chức năng vận động của Người được bảo hiểm theo chỉ định của Bác sĩ);
- o. Chi phí cho các sản phẩm mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thuốc bổ, vitamin, khoáng chất, các chất bổ sung cho chế độ dinh dưỡng hoặc phục vụ cho chế độ ăn kiêng;
- p. Điều trị những bất thường trong quá trình phát triển như: khó khăn trong việc học, rối loạn tăng động giảm chú ý, tự kỷ, những vấn đề về cách cư xử, những vấn đề liên quan đến sự phát triển thể chất, hành vi, ngôn ngữ, và các liệu pháp ngôn ngữ;
- q. Điều trị do phơi nhiễm năng lượng hạt nhân, phóng xạ ion hóa hay nhiễm phóng xạ thuộc bất kỳ loại nào (ngoại trừ trường hợp Người được bảo hiểm bị phơi nhiễm phóng xạ do sử dụng phương pháp xạ trị trong điều trị Ung thư);
- r. Chiến tranh hoặc các hành động gây chiến, bao gồm hành động xâm lược, các hành động thù địch (cho dù có tuyên chiến hay không), nội chiến, khởi nghĩa, cách mạng, nổi loạn, đảo chính quân sự hoặc tiếm quyền;
- s. Tham gia hoạt động đóng thế mạo hiểm, hoạt động thể thao chuyên nghiệp, hoạt động nguy hiểm như: đua ngựa, đua xe, trượt tuyết, trượt băng, leo núi, lặn, nhảy bungee (là hoạt động mạo hiểm nhảy từ một điểm cố định trên cao, chân người nhảy được giữ bằng một sợi dây co giãn), các chuyến bay trên không mà không phải với tư cách là hành khách trên chuyến bay chở khách thương mại thường xuyên theo lịch trình (như dù lượn, khinh khí cầu và nhảy dù), hoặc các hoạt động thám hiểm mạo hiểm;
- t. Các điều kiện loại trừ bảo hiểm bổ sung trong trường hợp Người được bảo hiểm có tình trạng sức khỏe dưới chuẩn và/hoặc các yếu tố rủi ro dưới chuẩn khác như quốc gia cư trú theo quyết định thẩm định của Generali. Các điều kiện loại trừ bảo hiểm bổ sung này đã được Generali thông báo và nhận được đồng thuận từ Bên mua bảo hiểm;
- u. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng và/hoặc Bên mua bảo hiểm.

## **Đối với quyền lợi tử vong và thương tật do Tai nạn**

- a. Sử dụng thuốc, bất kỳ loại chất gây nghiện, ma túy, chất độc, thuốc kích thích trái pháp luật và/hoặc không theo chỉ định của Bác sĩ;
- b. Do hành vi điều khiển phương tiện giao thông (i) vượt quá tốc độ quy định; hoặc (ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số 10.9mmol/l theo Quyết định 320/QĐ-BYT ngày 23/1/2014 của Bộ Y tế và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung sau này tại từng thời điểm;
- c. Tham gia hoạt động đóng thế mạo hiểm, hoạt động thể thao chuyên nghiệp, hoạt động thám hiểm, hoạt động nguy hiểm bao gồm: đua ngựa, đua xe, trượt tuyết, trượt băng, leo núi, lặn, nhảy bungee (là hoạt động mạo hiểm nhảy từ một điểm cố định trên cao, chân người nhảy được giữ bằng một sợi dây co giãn), tham gia các chuyến bay trên không mà không phải với tư cách là hành khách trên chuyến bay chở khách thương mại thường xuyên theo lịch trình (như dù lượn, khinh khí cầu và nhảy dù);
- d. Các điều kiện loại trừ bổ sung trong trường hợp Người được bảo hiểm có tình trạng sức khỏe dưới chuẩn và/hoặc các yếu tố rủi ro dưới chuẩn khác như nghề nghiệp, quốc gia cư trú theo quyết định thẩm định của Generali. Các điều kiện loại trừ bảo hiểm bổ sung này đã được Generali thông báo và nhận được đồng thuận từ Bên mua bảo hiểm;
- e. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng và/hoặc Bên mua bảo hiểm.

## THÔNG TIN CHUNG

Tuổi tham gia của Người được bảo hiểm chính:

**30 ngày tuổi – 55 Tuổi**

Thời hạn bảo hiểm:

|                  |                                                | Thời hạn bảo hiểm                                                              | Thời hạn đóng phí                                                                |
|------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Sản phẩm chính   | Bảo hiểm liên kết chung – Phiên bản 2024       | 99 trừ Tuổi tham gia                                                           | Bắt buộc trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên; linh hoạt đóng phí từ Năm hợp đồng thứ 5 |
| Sản phẩm bán kèm | Bảo hiểm tử vong và thương tật do Tai nạn 2025 | 75 trừ Tuổi tham gia, không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính      | Bằng thời hạn bảo hiểm (cần lưu ý đóng phí để duy trì hiệu lực)                  |
|                  | Bảo hiểm Sức khỏe cá nhân 2025                 | 1 năm và tái tục hàng năm, không vượt quá thời hạn bảo hiểm của sản phẩm chính |                                                                                  |

Định kỳ đóng phí:

**Năm hoặc nửa năm**

Tài liệu này chỉ giới thiệu tóm tắt các đặc điểm và quyền lợi của **Gói sản phẩm bảo hiểm liên kết chung VITA - An Vui Như Ý 2.0**, chi tiết quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ tuân theo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Các cụm từ, thuật ngữ viết hoa tại tài liệu này có ý nghĩa như được quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

**Để nhận Tài liệu minh họa bán hàng hoặc để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ:**

- Tư vấn viên của Generali Việt Nam;
- Tổng đài Chăm sóc Khách hàng: **1900 96 96 75**;
- Văn phòng Tư vấn bảo hiểm hoặc Văn phòng Đại lý / Văn phòng Tổng Đại lý;
- Trung tâm Dịch vụ Khách hàng của Generali Việt Nam.





# HERE NOW



Bảo vệ từng khoảnh khắc  
khi bên "Mẹ" có "Em".

Ở ĐÂY. LÚC NÀY.  
TRỌN VẸN TỪNG KHOẢNH KHẮC.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

☎ 1900 969675

🌐 [www.generalivn.com](http://www.generalivn.com)

✉ [info@generalivn.com](mailto:info@generalivn.com)

TRỤ SỞ CHÍNH

**GENERALI PLAZA HỒ CHÍ MINH**

43-45 Tú Xương, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH &  
VĂN PHÒNG  
KINH DOANH

**HỒ CHÍ MINH**

Tầng 1, tòa nhà Generali Plaza,  
số 43-45 Tú Xương, phường Xuân Hoà,  
Thành phố Hồ Chí Minh

**HÀ NỘI**

Phòng R104 tại tầng 1 và Phòng V06.01-08  
tại tầng 6 Pacific Place, số 83B phố Lý Thường Kiệt,  
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

**ĐÀ NẴNG**

386 Hoàng Diệu, phường Hoà Cường,  
Thành phố Đà Nẵng

**CẦN THƠ**

Tầng Trệt, Số 42-48 Phạm Ngọc Thạch,  
phường Cái Khế, Thành phố Cần Thơ